TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/KDTM-ST
Ngày: 22/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phan Thị Dòn.
2- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 44/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2022/QĐST-KDTM ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà HM Town 412 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Quang T** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc H** (Giấy ủy quyền số 198/2022/UQ-BVB ngày 12/5/2022).

Bị đơn: **Công ty TNHH Điện tử N**.

Địa chỉ trụ sở chính: F1/15/2A đường H, ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1962; Địa chỉ thường trú: 346 Chung cư B, phường V, Thành phố N, tỉnh K; Địa chỉ tạm trú: 139 đường T, Khu phố 6, phường H, Thành phố T, Thành phố H. Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1962;

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ thường trú: 346 Chung cư B, phường V, Thành phố N, tỉnh K;

Cùng địa chỉ tạm trú: 139 đường T, Khu phố 6, phường H, Thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ngày 22/12/2021 Công ty TNHH Điện tử N (Sau đây gọi tắt là Công ty N) ký kết Hợp đồng tín dụng số: 6012100004800 với Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) để vay số tiền 300.000.000 với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn kể từ ngày 22/12/2021 đến ngày 21/05/2022, lãi suất cho vay 14%/năm. Cùng ngày, Công ty N đã thực hiện việc rút vốn tại Ngân hàng B với tổng số tiền là 300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ngày 22/12/2021. Trong quá trình vay vốn, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung cam kết thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu Công ty N thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Nhưng cho đến nay, Công ty N vẫn không trả hết nợ. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc Công ty N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng B tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/9/2022 là 332.873.572 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.158.071, lãi phạt chậm lãi: 485.364 đồng, lãi phạt chậm vốn: 21.230.137 đồng. Đồng thời, buộc Công ty N phải chịu toàn bộ số tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh kể từ ngày 23/9/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 6012100004800 ngày 22/12/2021. Trong trường hợp Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bà Hoàng Thị L và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới chịu trách nhiệm trả thay nợ của Công ty N cho Ngân hàng B.

Tại Bản tự khai và Biên bản ghi nhận sự việc đề ngày 24/6/2022, bà Hoàng Thị L trình bày:

Ngày 22/12/2021 bà có ký Hợp đồng bảo lãnh vay 300.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP B cho Công ty N qua sự giới thiệu của cô Nguyễn Thị Ngọc D hiện là nhân viên của Ngân hàng V. Số tiền 300.000.000 đồng trên hình thức là vay thanh toán trả tiền hàng, nhưng thực chất là thanh toán khoản vay và tiền lời cho cô Nguyễn Thị Ngọc D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Hân.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ngày 22/12/2021 Ngân hàng B và Công ty N có ký hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số 6012100004800, giấy nhận nợ số 6012100004800001, số tiền vay là 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 14%/năm, ngày giải ngân là ngày 22/12/2021, ngày đến hạn là ngày 21/5/2021. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc Công ty N trả cho Ngân hàng B tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 22/9/2022 là 332.873.572 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.158.071 đồng, lãi phạt chậm lãi: 485.364 đồng, lãi phạt chậm vốn: 21.230.137 đồng; Buộc Công ty N phải chịu toàn bộ số tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh kể từ ngày 23/9/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 6012100004800 ngày 22/12/2021. Trong trường hợp Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bà Hoàng Thị L và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới chịu trách nhiệm trả thay nợ của Công ty N cho Ngân hàng B do bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Hoàng Thị L đã ký cam kết bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho Công ty N khi Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Về án phí: Công ty TNHH điện tử N chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Điện tử N thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6012100004800 và Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ký ngày 22/12/2021.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H xác định bị đơn có trụ sở chính tại F1/15/2A Hương lộ 80, ấp 6 xã V, huyện B, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, Thành phố H.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu bị đơn Công ty TNHH điện tử N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 22/9/2022 tổng cộng là 332.873.572 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.158.071 đồng, lãi phạt chậm lãi: 485.364 đồng, lãi phạt chậm vốn: 21.230.137 đồng; yêu cầu Công ty TNHH điện tử N vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Xét, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6012100004800 và Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ký ngày 22/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt và Công ty TNHH Điện tử Nguyễn Hoàng trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Ngân hàng B đã giải ngân và Công ty TNHH điện tử N đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 6012100004800 và Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ngày 22/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung cam kết thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu Công ty N thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Nhưng cho đến nay, Công ty N vẫn không trả hết nợ cho Ngân hàng B.

Căn cứ Bảng tổng hợp dư nợ do Ngân hàng B cung cấp, tính đến ngày 22/9/2022 Công ty TNHH điện tử N chưa thanh toán số tiền 332.873.572 đồng, trong đó nợ gốc khoản vay là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn là 11.158.071 đồng, lãi phạt chậm lãi là 485.364 đồng, lãi phạt chậm vốn là 21.230.137 đồng. Do đó,

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH điện tử N phải thanh toán số tiền 332.873.572 đồng, yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 23/9/2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là có cơ sở và phù hợp với Hợp đồng mà các bên đã ký kết, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên chấp nhận.

Căn cứ Cam kết bảo lãnh ngày 22/12/2021 giữa bên bảo lãnh là bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H và bên được bảo lãnh là Công ty TNHH điện tử N có cơ sở xác định khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của bà Hoàng Thị L và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Do đó, trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng B thì bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Số tiền chênh lệch (nếu có) được trả lại cho bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H là phù hợp với Điều 335, khoản 2 Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với Công ty TNHH Điện tử N.

Buộc Công ty TNHH Điện tử N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 332.873.572 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Điện tử N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 6012100004800 được ký kết ngày 22/12/2021 và Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ngày 22/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt và Công ty TNHH Điện tử N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số: 6012100004800 được ký kết ngày 22/12/2021 và Giấy nhận nợ số 6012100004800001 ngày 22/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Công ty TNHH điện tử N có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

3. Trường hợp Công ty TNHH Điện tử N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt thì bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, cùng chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Số tiền chênh lệch (nếu có) được trả lại cho bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

4. Về án phí: Công ty TNHH Điện tử N chịu 16.643.679 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B 7.714.208 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười bốn ngàn hai trăm lẻ tám đồng) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0041307 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

